

KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2022

TS. Nhật Trung*

Viện Nghiên cứu Khoa học, Trường Đại học Hòa Bình

* Tác giả liên hệ: ndtrung@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 02/12/2021

Ngày nhận bản sửa: 15/12/2021

Ngày duyệt đăng: 20/12/2021

Tóm tắt

Bức tranh kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã và đang trải qua một giai đoạn đầy biến động với những tác động tiêu cực và toàn diện của đại dịch Covid-19 từ cuối năm 2019 đến nay. Dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, nhưng bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn có nhiều điểm sáng: Ước thực hiện cả năm, dự kiến Việt Nam sẽ đạt và vượt 8/12 chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Đây là thành quả và nền tảng quan trọng để cả nước vượt qua khó khăn, từng bước “bình thường mới” cuộc sống và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội trong năm 2022. Bài viết đánh giá tổng quan diễn biến kinh tế vĩ mô trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 từ năm 2020 và triển vọng năm 2022 của Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế vĩ mô, đại dịch Covid-19, triển vọng

Vietnam's economy in the context of the Covid-19 pandemic and prospects for 2022

Abstract

The global economic outlook in general and Vietnam in particular has been going through a tumultuous period with the negative and comprehensive impacts of the Covid-19 pandemic from the end of 2019 up to now. Despite being severely affected by the Covid-19 pandemic, Vietnam's economic outlook still has many bright spots: Estimated to be implemented for the whole year, Vietnam is expected to achieve and exceed 8/12 key targets. This is an important achievement and foundation for the whole country to overcome difficulties, step by step “new normal” life and strive to fulfill socio-economic targets in 2022. The article provides an overview of macroeconomic developments in the context of the Covid-19 pandemic from 2020 and prospects for 2022 of Vietnam

Keywords: Macroeconomics, Covid-19 pandemic, prospects

1. Kinh tế thế giới trước làn sóng đại dịch Covid-19

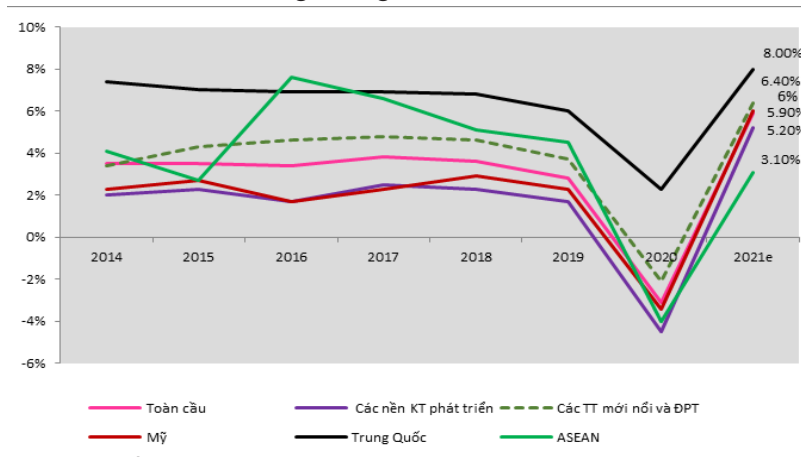
Đại dịch Covid-19 xuất hiện từ cuối năm 2019, đã có tác động toàn diện và nghiêm trọng đối với sức khỏe nhân loại và mọi hoạt động kinh tế- xã hội của tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn cầu, cho đến nay, vẫn đang tiếp tục diễn biến rất phức tạp và khó lường với nhiều biến thể mới. Năm 2020 là năm tồi tệ nhất trong lịch sử kinh tế thế giới, thậm chí còn tồi tệ hơn cuộc Đại suy thoái 1929-1930; đại dịch Covid-19 đã buộc nhiều quốc gia phải đóng cửa, kinh tế suy thoái, nhiều nền kinh tế chứng kiến GDP rơi xuống mức thấp kỉ lục.

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Nếu như trong cuộc Đại suy thoái 1929-1930, có khoảng 83,8% nền kinh tế trên

thế giới rơi vào suy thoái thì năm 2020, tỉ lệ này là 92,9%. Con số này cho thấy tác động tiêu cực trên diện rộng của đại dịch Covid-19 khi hầu hết các nền kinh tế đạt mức tăng trưởng âm. Tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển lần đầu tiên giảm trong 60 năm qua (-2,1%) trong khi mức suy giảm của các nền kinh tế phát triển ở mức 4,5% trong năm 2020, trong đó, có những nền kinh tế giảm rất mạnh như Tây Ban Nha giảm 10,8%; Anh giảm 9,8%; Ý giảm 8,9%; Pháp giảm 8% v.v.; khiến GDP toàn cầu giảm 3,1% (Biểu đồ 1).

Việc nhiều nước phê duyệt vaccine và triển khai tiêm chủng ở một số quốc gia vào tháng 12 năm 2020 đã làm dấy lên hy vọng về mục tiêu ngăn chặn đại dịch trên phạm vi toàn cầu. Hơn nữa, dữ liệu kinh tế được công

Biểu đồ 1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu, khu vực

Nguồn: WEO October 2021; ADO September 2021; ADO 2016 Update

bổ trong báo cáo WEO của IMF vào tháng 10 năm 2020 cho thấy động lực phục hồi tăng trưởng kinh tế của các nước, khu vực mạnh hơn dự báo vào nửa cuối năm 2020. Bất chấp số người nhiễm bệnh ngày càng gia tăng, hoạt động kinh tế dường như đang thích nghi với hoạt động ít tiếp xúc theo thời gian. Mặt khác, các gói kích thích kinh tế được công bố vào cuối năm 2020, đặc biệt là ở Hoa Kỳ và Nhật Bản, sẽ hỗ trợ thêm trong giai đoạn 2021-22 cho nền kinh tế toàn cầu. Những diễn biến này cho thấy một xuất phát điểm tốt hơn cho triển vọng toàn cầu 2021-22 so với các dự báo trước đó.

Bước sang năm 2021, sau khi giảm 3,1% vào năm 2020 theo báo cáo của IMF, nền kinh tế toàn cầu đã phục hồi mạnh mẽ ngay cả khi đại dịch bùng phát trở lại nhờ sự dẫn dắt của các nền kinh tế lớn. Theo đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2021 được dự báo sẽ đạt mức 5,6% - 6% trong năm 2021 và 4,5% - 4,9% vào năm 2022 nhờ sự phục hồi nhanh của những khu vực và nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc v.v.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2% trong quý III năm 2021, sụt giảm mạnh so với mức 6,7% được ghi nhận trong quý II. Chi tiêu người tiêu dùng, vốn chiếm hơn 2/3 hoạt động kinh tế Mỹ chỉ tăng 1,6% trong quý III sau khi tăng mạnh mẽ 12% trong quý II. Biến thể Delta là lý do lớn nhất gây sự giảm tốc đáng chú ý. Bên cạnh dịch bệnh, lạm phát do thiếu hụt hàng hóa và tiền cứu trợ đại dịch từ Chính phủ cũng kéo giảm tăng trưởng. Lạm phát trong tháng 10 tăng vọt lên mức 6,2%, mức cao nhất từ tháng 11/1990, vượt quá mục tiêu 2% của

Fed cũng làm giảm khả năng chi tiêu của hộ gia đình. Áp lực giá cả và sự gián đoạn chuỗi cung ứng đã khiến IMF cắt giảm dự báo tăng trưởng năm 2021 của Mỹ xuống 6% từ mức 7% trong dự báo hồi tháng 7 năm 2021.

Khu vực Euro tăng trưởng 2,2% trong quý III năm 2021 so với mức 2,1% trong quý II cho thấy những dấu hiệu phục hồi tích cực khi các quốc gia nới lỏng nhiều biện pháp hạn chế nhằm ngăn chặn đại dịch Covid-19 và sự hỗ trợ liên tục của các chính phủ. Khu vực Euro dự kiến tăng trưởng 5% (điều chỉnh tăng 0,4% so với mức dự báo hồi tháng 7/2021) trong năm 2021 và 4,3% trong năm 2022 theo dự báo của IMF.

Kinh tế Trung Quốc đang tăng trưởng chậm lại với tốc độ tăng GDP quý III năm 2021 chỉ còn 4,9%, giảm mạnh so với mức 7,9% được ghi nhận trong quý II. Mặc dù chỉ số PMI tổng hợp cho đến hết tháng 9 năm 2021 tăng nhẹ lên ngưỡng 50 điểm, nhu cầu trong nước (doanh số bán lẻ tháng 9 tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước) cũng như xuất khẩu tiếp tục gia tăng (xuất khẩu tháng 9 tăng 28,1% so với cùng kỳ năm trước), song, các biện pháp cải tổ mang tính cấu trúc của nền kinh tế đã bắt đầu tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế. Khu vực bất động sản suy giảm với ảnh hưởng sâu rộng của khủng hoảng nợ, cải cách quy hoạch điện hướng tới năng lượng sạch nay phát sinh khủng hoảng thiếu điện trên diện rộng, các tập đoàn công nghệ lớn tiếp tục chịu nhiều sức ép quản lý từ Chính phủ.

Đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2021 của Trung Quốc, các tổ chức quốc

tế điều chỉnh dự báo với nhiều động thái khác nhau như: IMF điều chỉnh giảm (xuống 8% từ mức 8,1% vào tháng 7 và 8,4% vào tháng 4 năm 2021), WB điều chỉnh tăng (lên 8,5%), ADB và OECD giữ nguyên (lần lượt là 8,1% và 8,5%).

Báo cáo Triển vọng phát triển châu Á của ADB phát hành ngày 22/9/2021 cho biết sự phục hồi kinh tế sau đại dịch của các quốc gia ASEAN có thể sẽ chậm hơn nhiều so với dự kiến ban đầu khi khu vực này vẫn phải vật lộn với biến thể Delta có khả năng lây nhiễm cao. ADB dự báo GDP của khu vực ASEAN sẽ tăng khoảng 3,1% trong năm nay và sẽ tăng 5% trong năm 2022. Mức dự báo này thấp hơn mức 4% hồi tháng 7 - vốn đã bị hạ dự báo tăng trưởng từ 4,4% hồi tháng 4.

1.2. Thương mại toàn cầu

WTO dự báo mức tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt mức 10,8% vào năm 2021, tăng từ 8,0% được dự báo vào tháng 3/2021, sau đó, tăng 4,7% vào năm 2022. Tăng trưởng sẽ ở mức vừa phải khi hoạt động thương mại toàn cầu tiếp cận với xu hướng dài hạn trước đại dịch. Các vấn đề bên cung như khan hiếm chất bán dẫn và ùn tắc cảng biển có thể gây căng thẳng cho chuỗi cung ứng và ảnh hưởng đến thương mại ở các khu vực cụ thể, nhưng chúng không có khả năng tác động lớn đến tổng thể toàn cầu. Rủi ro lớn nhất đến từ chính đại dịch.

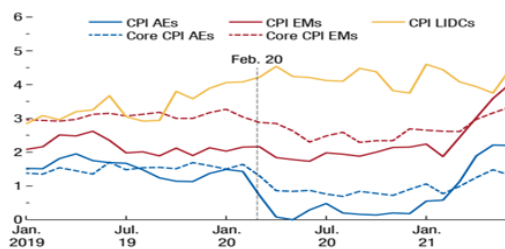
Tốc độ tăng trưởng hàng năm thương mại toàn cầu vào năm 2021 cao chủ yếu là sự phản ánh sự sụt giảm của năm trước, chạm đáy vào quý II năm 2020. Do tăng trưởng so với cùng kỳ trong quý 2 năm 2021 là 22,1%, nhưng con số này được dự báo sẽ giảm xuống 6,6% trong quý IV, một phần là do thương mại phục hồi nhanh chóng trong hai quý cuối năm 2020. Để đạt được mức tăng trưởng dự báo cho năm 2021, chỉ cần duy trì tăng trưởng hàng quý đạt trung bình 0,8% mỗi quý trong nửa cuối năm nay, tương đương với tỷ lệ hàng năm là 3,1%.

1.3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát toàn phần đã tăng nhanh chóng ở các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển kể từ đầu năm 2021, nhưng tương đối ổn định ở các nước thu nhập thấp (Biểu đồ 2).

Trong khi lạm phát cơ bản, sự thay đổi giá của hàng hóa và dịch vụ không bao gồm

Biểu đồ 2. Lạm phát CPI theo các nhóm nước (% YoY)



Sources: Haver Analytics; IMF, CPI database; and IMF staff calculations. Note: The vertical line indicates February 2020. AEs = advanced economy; CPI = consumer price index; EMs = emerging market economies; LDCs = low-income developing countries.

thực phẩm và năng lượng, tăng ít hơn lạm phát toàn phần, nó cũng đã tăng trong những tháng gần đây. Những diễn biến này xảy ra trong bối cảnh các nền kinh tế vẫn còn nhận được hỗ trợ chính sách đáng kể tiếp tục phục hồi sau sự suy giảm sâu vào năm 2020. Hơn nữa, khi các nền kinh tế mở cửa trở lại, việc giải phóng các khoản tiết kiệm vượt mức được tích lũy trong đại dịch có thể đẩy mạnh chi tiêu cá nhân. Sự kết hợp chưa từng có các yếu tố này đã dẫn đến lo ngại về khả năng lạm phát cao kéo dài.

2. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Bức tranh kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã trải qua một thời kỳ đầy biến động, khó lường với những tác động nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới (từ cuối năm 2019 đến nay). Cuối năm 2020, sự ra đời của vaccine phòng ngừa dịch Covid-19 đã giúp thế giới kiểm soát đại dịch và khôi phục các hoạt động kinh tế. Nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã có sự phục hồi đáng kể.

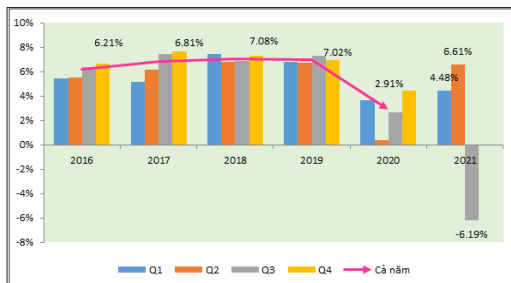
2.1. Tăng trưởng kinh tế

GDP giảm mạnh trong quý III năm 2021

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2020 đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 khi chỉ đạt 2,91%, thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2019 và không đạt mục tiêu theo Nghị quyết Quốc hội (6,6 - 6,8%), nhưng nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn quân, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp, triển khai quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo, linh hoạt nhiều chủ trương, giải pháp để kiểm soát đại dịch Covid-19, thực hiện mục tiêu kép, vừa bảo vệ sức khỏe người dân, vừa duy trì phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã sớm phục hồi trong năm 2021 và

đang quay trở lại đà tăng trưởng của thời điểm trước khi đại dịch xảy ra. Sau khi sụt giảm mạnh vào quý II năm 2020 (tăng trưởng GDP ở mức 0,39%), phục hồi vào quý III (2,69%) và quý IV (4,48%) của năm 2020, nền kinh tế đang có xu hướng quay trở lại đà tăng trưởng của thời điểm trước đại dịch khi GDP quý I năm 2021 tăng 4,48%; quý II tăng 6,61%. Tuy nhiên, đợt bùng phát dịch lần thứ tư bắt đầu từ cuối tháng 4/2021 đã tác động nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân khi lan rộng ra hầu hết các tỉnh, thành phố, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai v.v., nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các doanh nghiệp lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp nhiều cho tăng trưởng và thu ngân sách. GDP quý III ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính toán và công bố GDP quý đến nay (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3. Tăng trưởng GDP theo quý và năm

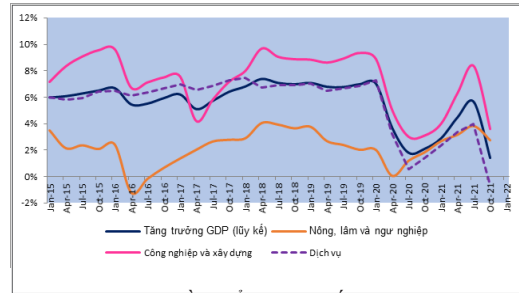


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 9 tháng năm 2021, GDP chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước (giảm so với mức tăng 2,12% của 9 tháng năm 2020), trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05% (Biểu đồ 4 và 5).

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế trong đại dịch khi tỉ lệ đóng góp vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế tăng từ mức dưới hai chữ số thời kỳ trước đại dịch lên mức hai chữ số (13,62% và 23,52% trong thời kỳ 9 tháng năm 2020 và 9 tháng năm 2021). Tỉ lệ đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng mạnh do khu vực dịch vụ suy giảm mạnh

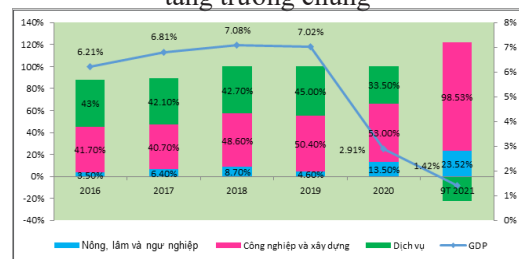
Biểu đồ 4. Tăng trưởng theo ngành (lũy kế)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

do dịch Covid-19. Tỉ lệ đóng góp của khu vực dịch vụ vào mức tăng trưởng chung đã giảm xuống còn 28,03% trong năm 2020 từ các mức 40 - 45% trong thời kỳ trước dịch, thậm chí mức tăng trưởng âm trong 9 tháng năm 2021 đã làm giảm 22,05% mức tăng trưởng chung của nền kinh tế (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5. Tỉ lệ đóng góp vào mức tăng trưởng chung



Nguồn: Tổng cục Thống kê

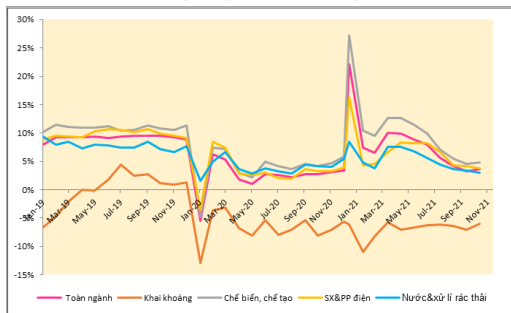
Sản xuất gặp khó nhưng từng bước được khôi phục

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 tăng 3,36% (giảm mạnh so với mức tăng 8,86% của năm 2019). Từ tháng 10/2021, sản xuất công nghiệp có dấu hiệu khởi sắc khi làn sóng thứ tư của dịch Covid-19 dần được kiểm soát, các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng, hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục trong trạng thái bình thường mới. Tính chung 11 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn tốc độ tăng 3% của cùng kỳ năm 2020). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,8%, đóng góp 4,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,8%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6%, làm giảm 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung (Biểu đồ 6).

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bắt đầu có sự phục hồi; số doanh nghiệp thành lập mới tháng 10/2021 tăng 111,2% về số doanh nghiệp, tăng 73,9% về số vốn đăng ký so với tháng 9/2021. Tính chung 11 tháng năm 2021, số doanh nghiệp thành lập mới giảm 15% về số doanh nghiệp và giảm 22,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

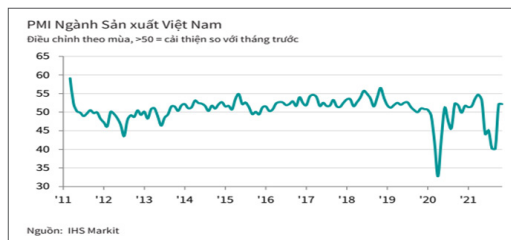
Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) của Việt Nam đã tăng trở lại trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 10 khi đạt 52,1 điểm và 52,2 điểm vào tháng 11 sau khi chạm đáy 32,7 điểm hồi tháng 4/2020. Điều này cho thấy các điều kiện kinh doanh đã được cải thiện trong lĩnh vực sản xuất, từ đó, kết thúc thời kỳ giảm của năm 2021, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 (Biểu đồ 7). Tình hình đại dịch cải thiện kéo theo việc nới lỏng các biện pháp hạn chế đã giúp các nhà sản xuất hoạt động trở lại trong tháng 10. Đồng thời với việc tăng sản lượng, các doanh nghiệp cũng tự tin hơn nhiều về triển vọng sắp tới so với các tháng gần đây.

Biểu đồ 6. Chỉ số sản xuất công nghiệp hằng tháng lũy kế so cùng kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 7. Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI

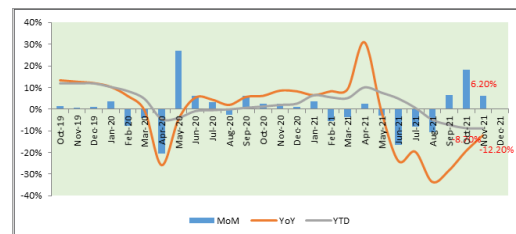


Hoạt động bán lẻ, kinh doanh dịch vụ bị ảnh hưởng tiêu cực

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong thời kỳ dịch bệnh có xu hướng phục hồi từ mức thấp nhất của

năm 2020 vào tháng 4 (khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 20,5% so với tháng 3 và giảm 26% so với cùng kỳ năm trước), chạm đỉnh gần nhất vào tháng 4 năm 2021, khi bắt đầu bùng phát lần sóng thứ tư của dịch Covid-19 (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước). Từ tháng 5/2021, do dịch Covid-19 bùng phát trở lại với mức độ nghiêm trọng hơn, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quay trở lại xu hướng giảm và chạm đáy vào tháng 8 năm 2021 (khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 10,5% so với tháng 3 và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước). Từ tháng 9, với việc nới lỏng dần dần giãn cách xã hội, hoạt động thương mại và dịch vụ trong nước bắt đầu phục hồi: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 tăng 6,2% so với tháng trước (tháng 10 tăng 18,1% so với tháng trước); tính chung 11 tháng năm 2021, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước (Biểu đồ 8).

Biểu đồ 8. Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



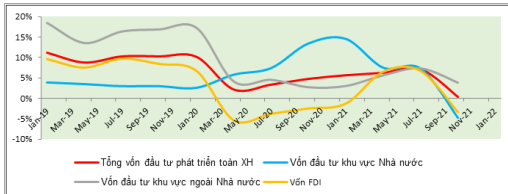
Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.2. Đầu tư toàn xã hội suy giảm đáng kể

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020 tăng 5,7% so với năm 2019, mức thấp nhất giai đoạn 2011-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn NSNN năm 2020 đạt cao nhất trong giai đoạn 2011-2020, đây là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19. Trong mức tăng 5,7% của vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020, vốn khu vực Nhà nước tăng 14,5% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước tăng 3,1%; khu vực FDI giảm 1,4%. Đến quý III năm 2021, do ảnh hưởng tiêu cực bởi làn sóng

thứ tư của dịch Covid-19, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội giảm 9,5% so với cùng kì năm trước, trong đó, vốn đầu tư khu vực Nhà nước giảm 26,1%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 1,4%; khu vực FDI giảm 20,7%. Tính chung 9 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội giảm 0,4% so với cùng kì năm trước, trong đó, vốn khu vực Nhà nước giảm 4,7%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 3,9% và khu vực FDI giảm 3,4% (biểu đồ 9).

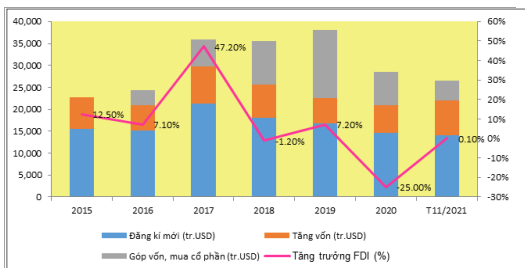
Biểu đồ 9. Tăng trưởng các cấu phần vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (YTD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dòng vốn FDI năm 2020 đạt 28,5 tỉ USD, giảm 25% so với năm 2019, trong đó, có 2523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng kí đạt 14,6 tỉ USD, giảm 35% về số dự án và 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước. Trong 11 tháng 2021, dòng vốn FDI đã bắt đầu phục hồi khi đạt 26,46 tỉ USD, tăng 0,1% so với cùng kì năm trước, trong đó, có 1577 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng kí đạt 14,06 tỉ USD, giảm 31,8% về số dự án và tăng 3,7% về số vốn đăng ký so với cùng kì năm trước (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 10. Vốn FDI



Nguồn: Tổng cục Thống kê

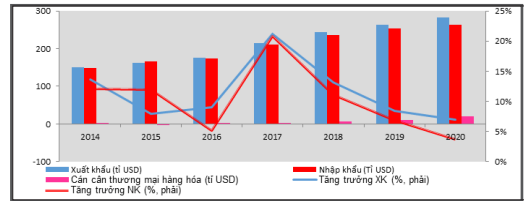
2.3. Cán cân thương mại hàng hóa

Năm 2020 chứng kiến thặng dư cán cân thương mại hàng hóa đạt 19,95 tỉ USD, mức thặng dư cao nhất trong 5 năm xuất siêu liên tiếp kể từ năm 2016 nhờ xuất khẩu tăng mạnh trong khi nhập khẩu giảm nhẹ. Khu vực trong nước thâm hụt 13,92 tỉ USD, giảm 46,3% (năm 2019, thâm hụt 25,92 tỉ USD) trong khi khu vực doanh nghiệp FDI thặng dư 33,87 tỉ USD, giảm 5,5% (năm 2019, thặng

dư 35,85 tỉ USD).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 282,65 tỉ USD, tăng 7% và nhập khẩu đạt 262,7 tỉ USD, tăng 3,7% (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 11. Tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2014-2020

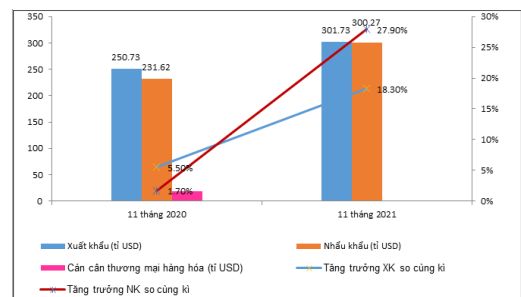


Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất nhập khẩu, trong năm 2020, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 77 tỉ USD, tăng 25,6% so với năm trước; Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 84,18 tỉ USD, tăng 11,57%. Mỹ là thị trường xuất siêu lớn nhất của Việt Nam, đạt 63,36 tỉ USD, tăng 34,76% (năm 2019, xuất siêu 46,98 tỉ USD); Việt Nam xuất siêu sang EU 24,71 tỉ USD, giảm 7% (năm 2019, xuất siêu 26,57 tỉ USD); nhập siêu từ Trung Quốc 35,32 tỉ USD, tăng 3,8% (năm 2019, nhập siêu 34,04 tỉ USD); từ Hàn Quốc 27,79 tỉ USD (năm 2019, nhập siêu 27,21 tỉ USD); từ ASEAN 7,38 tỉ USD, tăng 3,5% (năm 2019, nhập siêu 7,13 tỉ USD) v.v.

Trong 11 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 301,73 tỉ USD, tăng 18,3% so với cùng kì năm trước và nhập khẩu đạt 300,27 tỉ USD, tăng 27,9% so với cùng kì năm trước, cán cân thương mại thặng dư 1,46 tỉ USD, giảm mạnh so với cùng kì năm trước (cùng kì năm trước, thặng dư 19,11 tỉ USD) do nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu (biểu đồ 12), trong đó, khu vực doanh nghiệp FDI thặng dư 22,71 tỉ USD, khu vực doanh nghiệp trong nước thâm hụt 21,25 tỉ USD.

Biểu đồ 12. Xuất nhập khẩu 11 tháng năm 2021



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

Xét về thị trường xuất nhập khẩu, trong 11 tháng năm 2021, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 84,8 tỉ USD, tăng 22,2% so với năm trước; Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 98,5 tỉ USD, tăng 32%.

Tỉ trọng xuất khẩu hàng hóa của khu vực doanh nghiệp FDI trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chiếm 72% (202,89 tỉ USD/282,65 tỉ USD) vào năm 2020, tăng lên 73% (197,49 tỉ USD/269,77 tỉ USD) trong 10 tháng năm 2021 trong khi của khu vực doanh nghiệp trong nước lại giảm, cho thấy xuất khẩu phụ thuộc vào khu vực FDI, các doanh nghiệp FDI đang tận dụng các cơ hội từ các hiệp định FTA tốt hơn so với khu vực trong nước, đồng thời cũng thích ứng tốt hơn trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh.

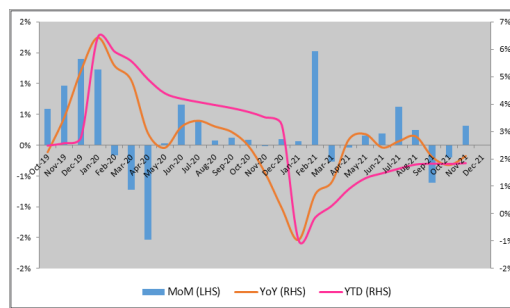
2.4. Lạm phát duy trì ở mức thấp

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%), trong đó giá gạo tăng 5,14% do giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng; (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% (làm CPI chung tăng 1,94%); (iii) Giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao; (iv) Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019.

Chỉ số CPI tháng 11/2021 tăng 0,32% so với tháng trước, tăng 2,1% so với cùng kì năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2021, chỉ số CPI tăng 1,84% so với cùng kì năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 (Biểu đồ 13). Lạm phát cơ bản 11 tháng tăng 0,82%. Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định giá cả thị trường v.v. là các nguyên nhân làm chỉ chi

số CPI tăng thấp trong thời gian qua.

Biểu đồ 13. Chỉ số CPI



Nguồn: Tổng cục Thống kê

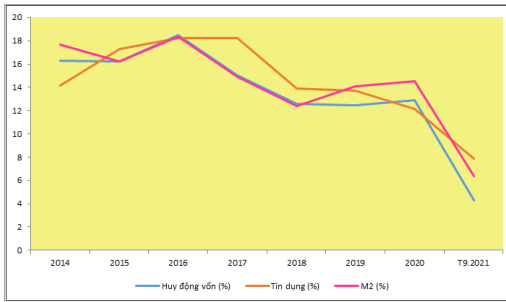
2.5. Chính sách tiền tệ duy trì nới lỏng thận trọng

Chính sách tiền tệ cho đến nay vẫn nhất quán với chính sách linh hoạt và nới lỏng thận trọng của NHNN xuyên suốt từ thời điểm dịch Covid-19 bùng phát. Chính sách hỗ trợ của NHNN tập trung chủ yếu ở ba lần hạ lãi suất điều hành trong năm 2020 và chủ yếu sử dụng nguồn lực của các TCTD (nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn có thể duy trì dòng tiền hoạt động, ngoài việc yêu cầu các TCTD hạ lãi suất cho vay thì trong tháng 9/2021, NHNN đã ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN về cơ cấu nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,53% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 13,7%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%). Tính đến thời điểm cuối tháng 9/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 6,35% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm 2020 tăng 8,63%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,28% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 7,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 7,88% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 6,08%) (Biểu đồ 14).

Cùng với ba lần điều chỉnh lãi suất điều hành của NHNN trong năm 2020, lãi suất liên ngân hàng bắt đầu giảm mạnh từ đầu tháng 6 năm 2020, dao động trong biên độ hẹp ở vùng thấp trong nửa cuối năm 2020, khi lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng và 3 tháng thấp nhất ở mức lần lượt là 0,1%/năm; 0,14%/năm; 0,35%/năm và 1,02%/năm; sau đó, tăng nhẹ

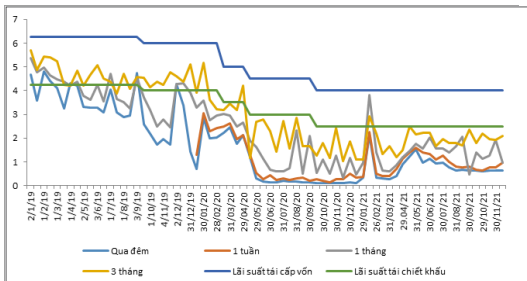
Biểu đồ 14. Tăng trưởng M2, tín dụng và huy động vốn



Nguồn: NHNN và Tổng cục Thống kê

trở lại từ đầu năm 2021, hiện ở mức 0,65% đối với thời hạn qua đêm; 0,98% đối với thời hạn 1 tuần; 0,98% đối với thời hạn 1 tháng và 2,08% đối với thời hạn 3 tháng (ngày 14/12/2021) (Biểu đồ 15). Điều này phản ánh trạng thái dồi dào thanh khoản của hệ thống ngân hàng, trong đó, có phần nhờ lượng tiền Đồng được NHNN bơm ra thị trường thông qua kênh mua ngoại tệ.

Biểu đồ 15. Lãi suất liên ngân hàng, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu (%/năm)



Nguồn: NHNN

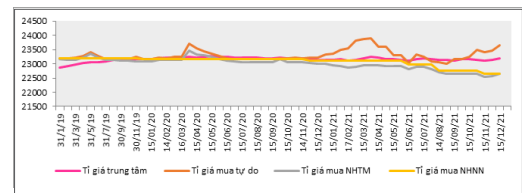
Để hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các ngân hàng thương mại lớn trong hệ thống ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay đối với những khoản dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021. Hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,4%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (4,5%/năm). Từ cuối tháng 8/2021, nhiều ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất huy động theo hướng tiếp tục giảm trong bối cảnh ngân hàng dồi dào thanh khoản và tín dụng tăng chậm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm

đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,4%-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1%-6,9% đối với kỳ hạn trên 24 tháng.

2.6. Chính sách tỷ giá linh hoạt, ổn định

Về điều hành tỷ giá, từ đầu năm 2020 đến nay, mặc dù một số giai đoạn chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và biến động trên thị trường quốc tế, tỷ giá trung tâm USD/VND vẫn ổn định. Đến ngày 15/12/2021, tỷ giá trung tâm USD/VND đạt mức 1USD = 23.195 đ., tăng không đáng kể 40 đồng, tương đương 0,17% so với đầu năm 2020 (tương ứng với VND giảm giá so với USD); tỷ giá trên thị trường tự do lại tăng 2,15%. Trong khi đó, tỷ giá mua của NHNN và NHTM lại giảm (tương ứng 1,9% và 2,2% so với đầu năm 2020) (biểu đồ 16). So với các đồng tiền khác trong khu vực, VND vẫn tiếp tục được đánh giá là đồng tiền ổn định.

Biểu đồ 16. Diễn biến tỷ giá



Nguồn: NHNN

2.7. Thu chi Ngân sách Nhà nước

Mặc dù chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và những diễn biến bất thường của thiên tai, dịch bệnh, công tác thu chi NSNN vẫn đạt kết quả tích cực. Kết quả thực hiện thu cả năm 2020 đạt 1507,8 nghìn tỉ đồng, bằng 98% so với dự toán, giảm 2,79% so với thực hiện năm 2019; tỷ lệ động viên thu NSNN đạt 24% GDP; thực hiện chi NSNN cả năm đạt 1787,95 nghìn tỉ đồng, tăng 0,8% so với dự toán; bội chi NSNN là 280,15 nghìn tỉ đồng, bằng 4,45% GDP (dự toán là 3,44% GDP). Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2021 đạt 1389,2 nghìn tỷ đồng, bằng 103,4% dự toán năm, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước; Tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế 11 tháng năm 2021 đạt 1268,86 nghìn tỷ đồng, bằng 75,2% dự toán năm. Do tiền độ chi thấp hơn thu ngân sách nên về tổng thể, cân đối NSNN 11 tháng vẫn thặng

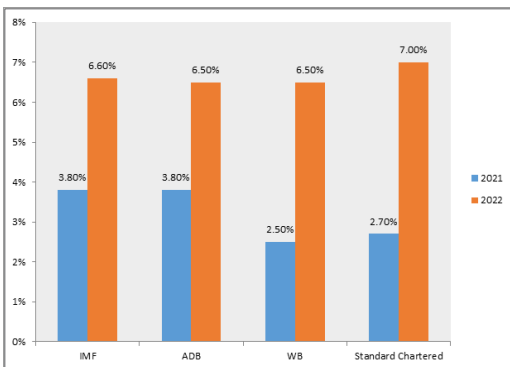
đur 123,34 nghìn tỉ đồng.

3. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022

Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế

Đợt bùng phát dịch lần thứ tư tại Việt Nam từ cuối tháng 4/2021, buộc nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khiến GDP quý III năm 2021 giảm mạnh 6,16% và tính chung 9 tháng, GDP tăng 1,42%. Trên cơ sở đó, các tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam: Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2021 và năm 2022 (Biểu đồ 17) được IMF điều chỉnh giảm lần lượt từ mức 6,5% xuống 3,8% và từ 7,2% xuống 6,6% (theo báo cáo cập nhật vào tháng 10/2021); ADB điều chỉnh giảm tương ứng từ 6,7% xuống 3,8% và từ 7% xuống 6,5% (theo báo cáo cập nhật vào tháng 9/2021); trong khi WB điều chỉnh giảm từ 4,8% xuống 2-2,5% và giữ nguyên dự báo cho năm 2022 (theo báo cáo cập nhật vào tháng 10/2021).

Biểu đồ 17. Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 và năm 2022 (%)



Nguồn: IMF, ADB, WB và Standard Chartered

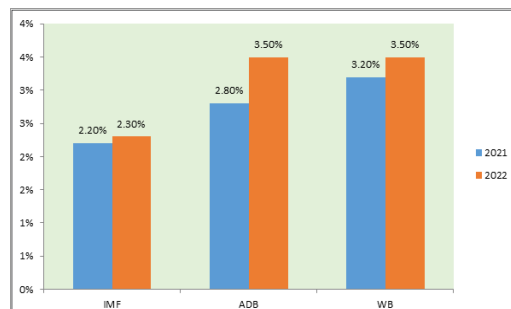
Từ cuối tháng 9/2021 đến nay, Việt Nam đã từng bước kiểm soát dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch được nới lỏng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, Chính phủ cũng thay đổi chính sách chống dịch từ “zero Covid” sang “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch Covid-19” theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; đồng thời, đang lên kế hoạch cho một gói hỗ trợ mới để phục hồi kinh tế. Từ đó, có thể kỳ vọng tăng trưởng GDP trong quý IV có thể đạt 5,7 - 6%, cả năm 2021 trong khoảng 2,5 - 2,75% và đạt mục tiêu 6 - 6,5% của Quốc hội cho năm 2022.

Động lực chính cho sự phục hồi kinh tế có thể kỳ vọng vào việc đẩy mạnh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, bên cạnh sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu, thu hút FDI, tiêu dùng nội địa và sản xuất, chuyển đổi số và cơ cấu lại nền kinh tế.

Thứ hai, về lạm phát

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019; 11 tháng năm 2021, CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. IMF dự báo lạm phát năm 2021 và 2022 ở mức lần lượt 2,2% và 2,3%; ADB dự báo 2,8% và 3,5% tương ứng; trong khi WB dự báo 3,2% cả năm 2021 và 3,6% trong năm 2022 (Biểu đồ 18). Trên cơ sở này, có thể kỳ vọng lạm phát trong năm 2021 ở mức 2,2% - 2,5% và 3 - 3,5% trong năm 2022, dưới mức mục tiêu của Quốc hội (4%) do nhu cầu tiêu thụ trong nước vẫn còn yếu do tác động của thu nhập suy giảm, đà tăng giá hàng hóa đã có dấu hiệu chững lại và đi ngang, duy chỉ có các mặt hàng năng lượng như dầu, khí, than v.v. có thể diễn biến khó lường do cuộc khủng hoảng năng lượng tại châu Âu và Trung Quốc kết hợp với chính sách tiền tệ nới lỏng thận trọng của NHNN nhằm phòng ngừa rủi ro lạm phát.

Biểu đồ 18. Dự báo lạm phát năm 2021 và 2022



Nguồn: IMF, ADB, WB

Thứ ba, về lãi suất

Chính sách tiền tệ linh hoạt, nới lỏng thận trọng của NHNN từ thời điểm dịch bùng phát nhiều khả năng sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2022 trong bối cảnh áp lực lạm phát trong năm 2022 là hiện hữu do lạm phát tại các nước phát triển và đang phát triển tăng mạnh từ cuối quý II năm 2021 (Biểu đồ 2). Trong năm 2020, NHNN đã ba lần hạ lãi suất điều hành, nhưng lại không có lần điều chỉnh nào trong năm 2021 và nhiều khả năng, sẽ duy trì trong năm 2022.

Mặt bằng lãi suất huy động, vốn đang

ở mức thấp, sẽ khó có thể giảm thêm và nhiều khả năng sẽ ổn định trong năm 2022. Trên thực tế, mức lãi suất hiện nay đã làm giảm sức hấp dẫn của kênh tiền gửi tiết kiệm, khiến một lượng tiền không nhỏ đổ vào các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán v.v. Theo tính toán của tác giả từ nguồn NHNN, tiền gửi của dân cư tại thời điểm cuối tháng 9 năm 2021 tăng 2,93% so với cuối tháng 9 năm 2020 (cùng kì năm 2020, tăng 7%). Trong bối cảnh cầu tín dụng còn yếu, các ngân hàng cũng có thêm điều kiện để hạ lãi suất cho vay khi NHNN đã ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN về cơ cấu nợ, giãn nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Thứ tư, về tỉ giá

Tỉ giá trung tâm USD/VND ổn định suốt từ năm 2020 đến nay, thậm chí còn có xu hướng giảm sau khi NHNN quay lại cơ chế mua - bán ngoại tệ giao ngay từ tháng 8/2021 và hạ giá mua vào USD. Dự báo xu hướng này sẽ được duy trì cho đến cuối năm 2021. Bước sang năm 2022, trên thị trường quốc tế, đồng USD có xu hướng mạnh lên khi Fed sẽ dần thắt chặt tiền tệ (từ đầu tháng 6 năm 2021 đến nay, chỉ số sức mạnh USD đã tăng 6,5%). Trong nước, tỉ giá cũng đang chịu một số áp lực: trước hết, đó là áp lực lạm phát do tổng cầu phục hồi trong khi sản xuất chưa theo kịp, chính sách tiền tệ và tài khóa được nới lỏng, mặt bằng lãi suất đã giảm xuống mức thấp nhất trong thời gian qua nhằm hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Ở khía cạnh khác, nguồn cung ngoại tệ dự báo khá dồi dào do tăng trưởng xuất khẩu kì vọng sẽ được đẩy mạnh nhờ hoạt động sản xuất được phục hồi và tác động tích cực từ các hiệp định FTA; lượng kiều hối tiếp tục tăng kỉ lục (năm 2021, WB ước kiều hối chuyển về Việt Nam đạt mức kỉ lục 18,1 tỉ USD, tăng 5,8% so với năm 2021 và dự báo sẽ tăng 2,6% trong năm 2022); dòng vốn FDI sau khi giảm 25% vào năm 2020 đã có dấu hiệu phục hồi; dự trữ ngoại hối vượt mốc 110 tỉ USD, tương đương 4 tháng nhập khẩu cùng với chính sách điều hành tỉ giá chủ động, linh hoạt của NHNN. Vì vậy, xét về tổng thể, tỉ giá USD/VND trong năm 2022 được kì vọng sẽ ổn định, góp phần ổn định vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế VND.

Thứ năm, về xuất nhập khẩu hàng hóa

Theo Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 301,73 tỉ USD, tăng 18,3% so với cùng kì năm trước và nhập khẩu đạt 300,27 tỉ USD, tăng 27,9% so với cùng kì năm trước. Dự báo kim ngạch xuất khẩu cả năm 2021 đạt mức 331 tỉ USD, tăng 17,1% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu cả năm 2021 lên mức 329 tỉ USD, tăng 25,2% so với năm trước. Xuất siêu năm 2021, dự báo ở mức 2 tỉ USD so với mức thặng dư 19,95 tỉ USD trong năm 2020.

Hiện nay, Bộ Công thương đang xây dựng dự thảo Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kì 2021 - 2030 với mục tiêu tổng quát là: Duy trì phát triển xuất khẩu là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; thực thi hiệu quả các cam kết, khai thác tốt các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa đối tác nhập khẩu. Mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 8-9%/năm giai đoạn 2021-2025 và 5-6%/năm giai đoạn 2026-2030; mục tiêu tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân 7-8%/năm giai đoạn 2021-2025 và 4-5%/năm giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở này, có thể kì vọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2022 đạt mức 357,4 tỉ USD, tăng 8% so với ước thực hiện năm 2021; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2022 đạt mức 352 tỉ USD, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2021; xuất siêu năm 2022 với giá trị dự báo là 5,4 tỉ USD.

Thứ sáu, về thu chi NSNN

Theo Bộ Tài chính, trong “Báo cáo Ngân sách dành cho công dân”, xuất bản tháng 11 năm 2021, ước tổng thu NSNN năm 2021 đạt 1365,5 nghìn tỉ đồng, tăng 1,7% so dự toán; tổng chi NSNN đạt 1709,2 nghìn tỉ đồng, tăng 1,3% so với dự toán; bội chi NSNN là 343,7 nghìn tỉ đồng, trong phạm vi dự toán là 4%GDP. Ngày 13/11/2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 34/2021/QH15 về dự toán NSNN năm 2022, theo đó, dự toán tổng thu NSNN năm 2022 là 1.411,7 nghìn tỉ đồng, tăng 3,4% so với ước thực hiện năm 2021; ở chiều ngược lại, dự toán tổng chi NSNN là 1784,6 nghìn tỉ đồng, tăng 4,5% so với dự toán năm 2021. Bội chi NSNN năm 2022 là 372,9 nghìn tỉ đồng, tương đương 4%GDP.